

# NGUỒN LỰC PHẬT GIÁO VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH VIỆT NAM HIỆN NAY

**Vũ Thị Hồng Chuyên**

Khoa Du lịch

Email: chuyenvth@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/12/2020

Ngày PB đánh giá: 22/02/2021

Ngày duyệt đăng: 26/02/2021

**TÓM TẮT:** Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, trong đó số lượng tín đồ và người cảm tình với Phật giáo chiếm số lượng đông nhất. Kể từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay, Phật giáo đã và đang có những đóng góp trên nhiều lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế, nhân đạo từ thiện và kinh tế - xã hội. Từ thực tiễn trên, những năm gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định cần phát huy các mặt tích cực của Phật giáo, coi Phật giáo và các tôn giáo khác chính là một trong những nguồn lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Với ý nghĩa trên, bài viết tập trung nghiên cứu vấn đề: Phật giáo với tư cách là một nguồn lực trong phát triển của du lịch Việt Nam hiện nay. Các nội dung nghiên cứu cụ thể là: khái niệm nguồn lực tôn giáo, các hình thức biểu hiện của nguồn lực Phật giáo với phát triển du lịch Việt Nam cùng với một số điểm cần lưu ý khi khai thác nguồn lực này phục vụ hoạt động du lịch.

**Từ khóa:** nguồn lực, Phật giáo, nguồn lực Phật giáo, du lịch Việt Nam.

## **BUDDHIST RESOURCES IN VIETNAM'S TOURISM DEVELOPMENT TODAY**

**ABSTRACT:** Vietnam is a multi-religious country, in which the number of disciples and enthusiasts of Buddhism accounts for the largest. Since its arrival to Vietnam till now, Buddhism has made great contributions in many fields, including culture, education, health, humanitarianism and economic-social aspects. From the aforementioned fact, in recent years, Vietnamese authorities have addressed the need to promote the positive aspects of Buddhism, considering Buddhism and other religions as resources for the development and construction of their country. To be more specific, the article focuses on researching Buddhism as a resource in the development of Vietnam's tourism today. The specific research contents are the concept of religious resources, the features of the relationship between Buddhist resources and Vietnam's tourism development, along with some cautions when exploiting this resource for tourism-based activities.

**Key words:** Resource, Buddhism, Buddhist resources, Vietnam tourism

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, một thực thể xã hội nên trong quá trình tồn tại và phát triển, tôn giáo luôn tác động cả hai mặt (tích cực và tiêu cực) đến đời sống xã hội con người. Tuy nhiên, việc tác động

này còn tùy thuộc vào từng thời kỳ lịch sử, thể chế chính trị cùng với chính sách của giai cấp cầm quyền cũng như phụ thuộc vào mỗi tôn giáo. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, mỗi tôn giáo có một giáo lý, giới luật, lễ nghi riêng song có một điểm chung

về đường hướng hoạt động tôn giáo là “tốt đời – đẹp đạo”, theo phương châm “đồng hành cùng dân tộc”. Trong chính sách về tôn giáo, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã khẳng định tính nhất quán trong việc bảo đảm quyền tự do tôn giáo của người dân và giá trị tích cực của tôn giáo. Nghị quyết số 24 năm 1990 của Bộ Chính trị nêu rõ quan điểm: “*Phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo trong việc xây dựng chế độ xã hội mới*” [11; 526]. Luật tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành năm 2016 đã nêu rõ: “*Các tôn giáo được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan*” [9]. Đây chính là chìa khóa mở ra cơ hội cho tôn giáo được đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thời kỳ đổi mới. Đồng thời, Nhà nước cũng huy động được sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực quốc gia (trong đó có nguồn lực tôn giáo) vào việc sự nghiệp CNH - HĐH đất nước trong khi nguồn lực nhà nước còn nhiều hạn chế. Những đóng góp của tôn giáo Việt Nam đối với đất nước trong thực tiễn đã được Bộ Chính trị khẳng định trong Chỉ thị số 18 – CT/TW (2018): Cần phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước [3].

Thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, tôn giáo có vai trò không chỉ về giá trị giáo dục đạo đức, giá trị văn hóa – nghệ thuật mà còn có nhiều giá trị tích cực trong lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội và phát triển kinh tế bền vững. Trong thời đại ngày nay, trước các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, bệnh tật, thảm họa thiên tai, chiến tranh, bạo lực... tôn giáo đã và đang tỏ rõ

thái độ và nghĩa vụ để cùng với các tổ chức và chính quyền Nhà nước chung tay giải quyết. Do đó, xem xét tôn giáo với tư cách là một nguồn lực góp phần vào việc xây dựng và phát triển xã hội là một hướng đi đúng và thiết thực hiện nay.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái niệm nguồn lực tôn giáo và nguồn lực Phật giáo

Trước khi bàn về khái niệm nguồn lực tôn giáo nói chung và nguồn lực Phật giáo nói riêng, chúng ta cần hiểu thế nào là nguồn lực?. Theo chúng tôi, hiểu một cách chung nhất thì nguồn lực chính là tổng thể các yếu tố tạo cơ sở, nền tảng cho sự phát triển của một thực thể nào đó. Nếu thực thể đó là quốc gia, dân tộc thì nguồn lực chính là tổng thể của những điều kiện tự nhiên gồm vị trí địa lý, tài nguyên đất, nước, thực vật, động vật, khoáng sản, khí hậu... gọi chung là nguồn lực tự nhiên và các điều kiện về vốn, nhân lực (con người), văn hóa, chính sách, khoa học kỹ thuật và công nghệ... gọi chung là nguồn lực xã hội.

Về nguồn lực tôn giáo, theo chúng tôi thì đó là một nguồn lực thuộc nguồn lực xã hội. Bởi lẽ, tôn giáo là một thành tố của văn hóa và cũng chính là một hình thái ý thức xã hội, một thực thể xã hội nên có tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội bao gồm các lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội... Do đó, cần hiểu nguồn lực tôn giáo ở hai phương diện mà tôn giáo tác động đến, đó là: đời sống tinh thần và đời sống vật chất của con người. Như vậy nguồn lực tôn giáo gồm hai bộ phận cơ bản cấu thành: nguồn lực tinh thần và nguồn lực vật chất.

Nguồn lực tinh thần của tôn giáo chính là niềm tin tôn giáo, tư tưởng, đạo đức,

nếp sống, lối sống tôn giáo, giá trị văn hóa nghệ thuật tôn giáo... Nó được biểu hiện trong hệ thống giáo lý, triết lý, giới luật, điều răn và hoạt động nghi lễ thờ cúng, lễ hội của mỗi tôn giáo.

Nguồn lực vật chất của tôn giáo bao gồm các yếu tố: nguồn nhân lực tôn giáo (chức sắc, tín đồ), cơ sở thờ tự, đối tượng thờ cúng và nguồn tài chính (được tạo nên bởi giá trị của tôn giáo mang lại cho xã hội cũng như những tiềm lực mà tôn giáo thu hút được từ phía xã hội). Hình thức biểu hiện của nguồn lực vật chất tôn giáo thông qua các hoạt động của nguồn nhân lực tôn giáo với xã hội như nhân đạo, cứu trợ, an sinh xã hội và việc khai thác tiềm năng của hệ thống di sản tôn giáo vật thể (cơ sở thờ tự, hệ thống tượng thờ, biểu tượng, công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa, cảnh quan) và phi vật thể (hoạt động nghi lễ và lễ hội tôn giáo) trong hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội của con người.

Từ nhận thức chung về nguồn lực tôn giáo, nghiên cứu vào trường hợp cụ thể Phật giáo ở Việt Nam, chúng tôi cho rằng nguồn lực Phật giáo bao gồm có nguồn lực tinh thần và nguồn lực vật chất của Phật giáo. Trong đó, nguồn lực tinh thần Phật giáo là niềm tin Phật giáo, tư tưởng, đạo đức, tri thức Phật học, giá trị văn hóa nghệ thuật Phật giáo... giúp con người nhận thức thế giới quan và nhân sinh quan, từ đó điều chỉnh hành vi hướng đến Chân - Thiện - Mỹ. Các nội dung này được thể hiện trong giáo lý Kinh tam tạng (Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng), giới luật (5 điều răn), nghi lễ tu tập và lễ hội của Phật giáo.

Nguồn lực vật chất của Phật giáo bao gồm nguồn nhân lực (hệ thống chức sắc và Phật tử), cơ sở thờ tự, hệ thống tượng

Phật, biểu tượng, đồ thờ cúng... và nguồn tài chính mà Phật giáo đóng góp với xã hội cũng như những tiềm lực mà Phật giáo thu hút được từ phía xã hội. Đồng thời thông qua việc con người khai thác tiềm năng của hệ thống di sản văn hóa Phật giáo bao gồm di sản vật thể (di tích chùa và cảnh quan không gian; biểu tượng Phật giáo, các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa Phật giáo) và phi vật thể (hoạt động nghi lễ và lễ hội Phật giáo) để phục vụ cho đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của con người.

Trong các nguồn lực Phật giáo kể trên, một số nguồn lực có giá trị không nhỏ đã và đang có đóng góp vào sự phát triển của du lịch Việt Nam.

## **2.2. Hình thức biểu hiện của nguồn lực Phật giáo với sự phát triển du lịch Việt Nam hiện nay**

Phật giáo du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ II sau CN, ngay buổi ban đầu, Phật giáo đã nhận được sự cảm tình của đa phần dân cư bản địa người Việt bởi nhiều nét văn hóa gần gũi, có nét tương đồng với tư tưởng thế giới quan và nhân sinh quan Phật giáo. Đến thời kỳ phong kiến Lý - Trần, Phật giáo được tôn lên làm quốc giáo. Tuy nhiên, đến thế kỷ XV, Phật giáo bước vào thời kỳ bị suy giảm khi các triều đại phong kiến (như triều Lê, Nguyễn) đã lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, chỗ dựa tinh thần cho sự thống trị của triều đại. Mặc dù vậy, Phật giáo vẫn phát triển mạnh trong nhân dân và ăn sâu, bén rễ trong đời sống, tư tưởng và tình cảm của đông đảo người dân Việt, trở thành một nhân tố góp phần làm phong phú, đa dạng bản sắc văn hóa Việt Nam. Đồng hành cùng lịch sử dân tộc gần 2000 năm, Phật giáo đã để lại hệ thống giá trị văn hóa tinh thần và vật chất,

nhieu giá trị trở thành di sản văn hóa Phật giáo đã và đang được phát huy, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển của Việt Nam hiện nay. Riêng trên lĩnh vực văn hóa du lịch thì các di sản văn hóa Phật giáo gồm (vật thể và phi vật thể) là nguồn lực (gọi là tài nguyên du lịch) đã và đang được các công ty, doanh nghiệp du lịch khai thác tạo nên các chương trình, tour du lịch tâm linh. Dưới đây là một số hình thức biểu hiện của nguồn lực Phật giáo với hoạt động du lịch tại Việt Nam:

*Thứ nhất*, niềm tin của người Việt đối với Phật giáo. Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tính đến năm 2015 cả nước có: 49.493 tăng ni, hơn 10 triệu tín đồ đã quy y, cộng với hàng chục triệu người có cảm tình với Phật giáo [12]. Như vậy số người Việt Nam theo Phật giáo và ảnh hưởng của Phật giáo chiếm khoảng trên 70% số dân cả nước. Con số này cho thấy, người Việt dành niềm tin, cảm tình với Phật giáo là rất lớn. Người Việt tin vào Đức Phật, tin vào giáo lý – được xem là những niềm tin cao nhất không chỉ của các tín đồ Phật giáo mà cả những người có cảm tình với Phật giáo. Sở dĩ họ tin vào Đức Phật vì họ hiểu được vai trò của ngài đối với nhân loại, đồng thời các vị phật có thể soi đường chỉ lối, cứu khổ cứu nạn, giúp con người vượt qua khó khăn, từ bi hóa độ khi người nào đó mắc tội lỗi và sa ngã. Họ cũng tin vào giáo lý phật pháp mà cao nhất là thuyết nhân quả và nghiệp báo. Người Việt có quan niệm nếu làm việc tốt thì phúc đức sẽ đến không chỉ cho bản thân mà còn cho con cháu đời sau nên nhiều người Việt có quan niệm “tu thân, tích đức”. Từ niềm tin trong nhận thức dẫn đến những hành vi và nghi lễ tôn giáo: ăn chay, tụng kinh niệm Phật, đi

chùa và làm việc thiện (bồ thí) không chỉ đối với các tín đồ mà còn cả với những người có cảm tình với Phật giáo. Riêng với những người có cảm tình với Phật giáo, hành vi tôn giáo thường xuyên của họ là lên chùa lễ Phật vào dịp mừng một, hôm rằm, đặc biệt là tham gia vào các tour du lịch tâm linh để thăm viếng các di tích chùa chiền vào dịp đầu xuân năm mới. Đến với “cửa Phật”, người Việt luôn có quan niệm: sự thành tâm của bản thân thể hiện bằng việc chấp tay lạy tạ và đặt chút tiền lễ (gọi là “giọt dầu”) trước các ban thờ Phật sẽ mang đến cho họ sự thanh thản và những điều họ mong muốn, họ gửi gắm nơi chốn này sẽ thành hiện thực. Có thể khẳng định đây chính là nguồn gốc cơ bản để giải thích vì sao loại hình du lịch tâm linh này đã, đang và ngày càng có xu thế phát triển trong những năm gần đây. Các điểm du lịch chùa chiền thu hút một lượng đông đảo du khách hiện nay phải kể đến như: chùa Hương, chùa Trấn Quốc, chùa Hà (Hà Nội); chùa Yên Tử, chùa Ba Vàng (Quảng Ninh); chùa Bái Đính (Ninh Bình); chùa Tam Chúc (Hà Nam), chùa Thiên Mụ (Huế), chùa Linh Ứng (Đà Nẵng), chùa Linh Phước (Đà Lạt), chùa Bà Tây Ninh (Tây Ninh)...

*Thứ hai* là các di tích, công trình kiến trúc – điêu khắc – hội họa Phật giáo và cảnh quan không gian của cơ sở thờ tự Phật giáo. Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2015, trên lãnh thổ Việt Nam có 17.376 ngôi tự viện (gồm: 14.780 chùa Bắc Tông, 454 chùa Nam Tông Khmer, 73 chùa Nam tông Kinh, 550 Tịnh xá, 467 Tịnh thất, 998 Niệm Phật đường, 54 chùa Hoa) [12]. Đây là nguồn lực tiềm năng và phong phú cho phát triển du lịch. Sở dĩ là vì đa phần các ngôi chùa Việt thường

xây dựng ở nơi có cảnh trí thiên nhiên đẹp hoặc nơi phong cảnh hữu tình (có sông, có núi), hay nơi thanh vắng và yên bình... Vì thế, chùa trở thành những điểm du lịch thu hút khách đến thăm viếng vừa là đáp ứng nhu cầu tâm linh (cần sự che chở, giúp đỡ của các vị Đức Phật và các bậc Thánh Hiền) vừa để giải tỏa tâm trạng căng thẳng, stress để có được sự thanh thản về tâm hồn và thăng bằng trong cuộc sống với nhiều bận bịu, lo toan. Có thể kể đến một số ngôi chùa có cảnh trí thiên nhiên đẹp, hấp dẫn du khách như chùa Yên Tử, chùa Ba Vàng (Quảng Ninh); chùa Hương, chùa Trấn Quốc (Hà Nội); chùa Bái Đính (Ninh Bình); chùa Tam Chúc (Hà Nam); chùa Thiên Mụ (Huế), chùa Linh Phước (Đà Lạt), chùa Bà Tây Ninh (Tây Ninh), chùa Phước Điền (An Giang), chùa Bửu Long (còn gọi là Thiền viện Tổ Đình Bảo Long – TP Hồ Chí Minh)...

Đồng thời, nhiều ngôi chùa Việt có lịch sử lâu đời, có lối kiến trúc độc đáo mang giá trị đặc sắc của văn hóa Phật giáo, tiêu biểu như chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc (Hà Nội); chùa tháp Phổ Minh (Nam Định); chùa Bút Tháp, chùa Dâu (Bắc Ninh); chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh), chùa Bồ Đề, chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang); chùa Keo (Thái Bình); chùa Giác Viên, chùa Giác Lâm (Hồ Chí Minh)...

Một số ngôi chùa có tác phẩm điêu khắc có giá trị văn hóa lớn, một số là di sản văn hóa được công nhận để bảo tồn và phát huy giá trị trong nền văn hóa dân tộc. Ta có thể kể đến như tượng Quan âm nghìn mắt nghìn tay ở Chùa Hạ (Vĩnh Phú, Bắc Việt, cao 3,2m); 16 pho tượng tổ gỗ của chùa Tây Phương (Hà Tây, Bắc Việt); bộ tượng Thập Bát La Hán ở chùa Phước Lâm

(Hội An, Quảng Nam Đà Nẵng); bộ tượng Thập Bát ở chùa Tràng (Mĩ Tho); tượng Tuyết Sơn ở chùa Trăm Gian (Hà Tây); tượng “Phật Nhập Niết Bàn”, dài 49m ở núi Trá Cú (Phan Thiết); tượng Đức Phật Thích Ca ngồi kiết già cao 11m ở Vũng Tàu; tượng “Kim thân Phật tổ” cao 24 m ở chùa Long Sơn, TP. Nha Trang....[7; 282], bộ tượng “Thập bát A La Hán bằng tre thép vàng xưa nhất” và bộ tượng “Thập bát A La Hán bằng đồng xưa và lớn nhất” ở chùa Thánh Duyên trên núi Thúi Vân (tỉnh Thừa Thiên – Huế) [4]; bộ Mộc bản (3.050 bản ván khắc) được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực châu Á – Thái Bình Dương ở chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) [5].

Một số ngôi chùa dù có lịch sử tồn tại chưa lâu nhưng được biết đến nhiều là vì có những kỷ lục ấn tượng. Điển hình nhất phải kể đến là chùa Bái Đính mới (còn gọi là Bái Đính Tân Tự, thuộc tỉnh Ninh Bình) với các kỷ lục: chùa có tượng Phật bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á, chùa có hành lang La Hán dài nhất châu Á, chùa có tượng Phật Di lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á, chùa có nhiều cây bồ đề nhiều nhất Việt Nam; Hay chùa Ba Vàng (Quảng Ninh) là ngôi chùa giữ hai kỷ lục gồm: ngôi chùa có chiếc trống độc mộc bằng gỗ đỏ nguyên khối lớn nhất và ngôi chùa trên núi có tòa chính điện lớn nhất [1]; Chùa Tam Chúc (Hà Nam) dù đang trong giai đoạn hoàn thành nhưng được dự kiến sẽ đạt một số kỉ lục Guinness.

Như vậy chính sự độc đáo, đặc sắc trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của những ngôi chùa hay những kỷ lục quốc gia, châu lục mà ngôi chùa đó đã xác lập... cũng chính là một điểm nhấn, kích thích sự

tò mò, tìm hiểu và khám phá của du khách muốn được trực tiếp chiêm ngưỡng sự độc đáo và đặc biệt đó. Đây là một trong những lý do đưa du khách đặt chân đến chiêm bái tại những ngôi chùa này.

*Thứ ba* là lễ hội Phật giáo. Lễ hội tôn giáo là một hình thái sinh hoạt tôn giáo, mang tính tập trung quần chúng cao nhất. Trước đây, lễ hội tôn giáo là việc riêng của mỗi giáo hội và tín đồ tôn giáo đó nhưng ngày nay lễ hội tôn giáo không còn là việc riêng của mỗi tôn giáo mà đã có sức lan tỏa, ảnh hưởng rộng lớn trong cộng đồng và thu hút sự tham gia đông đảo không chỉ của các tín đồ mà cả người ngoại đạo. Đối với Phật giáo phải kể đến các lễ hội chính như lễ Thượng Nguyên (lễ cúng rằm tháng Giêng), lễ Phật đản (15/4 âm lịch), lễ An cư kiết hạ (từ 15/4 âm lịch), lễ Vu lan (15/7 âm lịch), lễ vía Quan thế âm Bồ tát (19/9 âm lịch), lễ vía Phật Adi Đà (17/11 âm lịch), lễ vía Phật Thích Ca thành đạo (8/12 âm lịch)...trong đó lễ Phật Đản và lễ Vu lan trở thành đại lễ mang tính quốc gia và tính quốc tế (trường hợp Lễ Phật Đản).

Lễ Phật Đản được tổ chức vào ngày 15 tháng 4 âm lịch – ngày kỷ niệm sự ra đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây không chỉ là một đại lễ quan trọng với những người theo đạo Phật ở Việt Nam mà còn là lễ hội quốc tế về tôn giáo và văn hóa được tổ chức thường niên ở các quốc gia có Phật giáo với mục đích góp phần vào việc kiến tạo hòa bình và hạnh phúc của nhân dân trên thế giới. Việt Nam đã vinh dự được 2 lần đăng cai tổ chức Đại Lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc (vào năm 2008 và 2014) với sự tham gia của nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đến tham dự, hàng chục nghìn tăng, ni,

phật tử trong và ngoài nước và hàng trăm đoàn du khách quốc tế đã đến Việt Nam trong dịp này. Lễ Phật Đản là một sự kiện tôn giáo quan trọng thu hút sự tham gia và quan tâm của đa phần tầng lớp dân cư Việt Nam. Bởi lẽ, đây là dịp họ tỏ lòng tri ân và tôn kính đến Đức Phật – người “bậc thầy đưa đường chỉ lối cho chúng ta đi đến an lạc” [2]. Trong dịp này, nhiều người Việt tham gia trực tiếp vào hoạt động nghi lễ tại các chùa như lễ tắm Phật, thiết trí lễ đài, thiết trí vườn Lâm-tỳ-ni, làm xe hoa diễu hành, thuyền hoa, hoa đăng, lồng đèn, cờ Phật giáo, thiệp Phật đản, văn nghệ cúng dường...nghe thuyết giảng của các nhà sư về sự kiện Đức Phật ra đời và công hạnh của ngài [2]. Ở một số gia đình Phật giáo Việt Nam, trong tháng tư Lễ Phật Đản, người ta còn treo lồng đèn Phật Đản hay cờ Phật giáo trước cửa nhà. Trong ngày này, các tăng, ni, phật tử và cả những người cảm tình với Phật giáo thực hành ăn chay, giữ ngũ giới, từ bi hi xả, bố thí và làm việc thiện. Theo Thầy Thích Trúc Thái Minh – nhà sư chủ trì chùa Ba Vàng (Quảng Ninh), những hoạt động trên không chỉ giúp đệ tử Phật thấm nhuần tư tưởng, lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà còn giúp “*những người biết đến giáo lý của Phật, mở rộng trí tuệ, hướng tới những điều đạo đức tốt đẹp, từ đó chuyển hóa, thay đổi bản thân và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh*”[10].

Lễ Vu Lan là một trong hai lễ lớn nhất của Phật giáo. Trước đây, “lễ Vu lan mang nặng màu sắc Phật giáo, chủ yếu nhằm mục đích tưởng niệm, ca ngợi đức Mục Kiền Liên báo hiếu, giải thoát cho mẹ mình khỏi kiếp nạn ở địa ngục và giáo dục, hướng dẫn phật tử thực hành báo hiếu với cha mẹ mình” [8]. Ngày nay, lễ Vu Lan đã trở thành đại lễ

mang tính đại chúng, là dịp con, cháu thể hiện lòng biết ơn và tri ân với cha mẹ, thầy cô, những anh hùng liệt sĩ, những bậc tiền bối đã có công với đất nước... Chính vì hợp với đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và thờ cúng tổ tiên của người Việt nên mùa Vu Lan báo hiếu của Phật giáo (tháng 7 âm lịch) các gia đình chuẩn bị mâm cỗ chay cúng ông bà, cha mẹ, các ngôi chùa được sửa sang cho sạch đẹp để đón khách hành hương đến cầu nguyện, nghe các nhà sư thuyết giảng về ơn đức của nhà Phật, công ơn đối với cha mẹ...

Có thể thấy, lễ Phật Đản và lễ Vu Lan của Phật giáo chính là minh chứng cho sự gắn bó giữa đạo với đời, giữa Phật giáo và văn hóa dân tộc. Vì thế, nghi lễ tri ân, báo hiếu của Phật giáo trở thành nét sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng, mang giá trị nhân văn sâu sắc. Đây cũng là dịp mà các ngôi chùa Việt trở nên nhộn nhịp hơn so với ngày thường do mở cửa đón tiếp Phật tử khắp nơi về chiêm bái.

Ngoài các lễ hội trên, còn có các lễ hội riêng (trong đó điển hình là lễ giỗ Tổ) mang đặc trưng của mỗi ngôi chùa. Tuy cách thức tổ chức các lễ hội này ở mỗi ngôi chùa có thể khác nhau nhưng về cơ bản có một số điểm chung. *Thứ nhất*, xuất phát từ giáo lý của đạo Phật là hướng đến sự giải thoát nên mục đích chung của lễ hội Phật giáo là thực hiện nghi lễ cầu an và cầu siêu, giúp cho con người có sức khỏe, bình an và hạnh phúc. *Thứ hai*, không gian diễn ra ở khắp các ngôi chùa trên mọi miền tổ quốc. *Thứ ba*, thời gian lễ hội Phật giáo diễn ra phong phú ở các thời điểm khác nhau trong năm song chủ yếu vào thời gian đầu xuân năm mới, cũng là thời gian nông nhàn sau khi nhà nông thu hoạch xong. *Thứ tư*, nội

dung của lễ hội gồm hai phần: phần Lễ là các nghi lễ liên quan đến Phật giáo và phần Hội là các hoạt động vui chơi giải trí. *Thứ năm*, thành phần tham gia lễ hội không chỉ là các tăng, ni, Phật tử mà còn có đông đảo thành phần dân cư người Việt ngoài đạo tham dự. *Thứ sáu*, mục đích tham gia vào lễ hội vừa để hưởng thụ thành quả đã đạt được sau một năm lao động vừa mong muốn “thành tâm đến chùa” sẽ có được sự bình an, hạnh phúc và may mắn trong một năm mới.

Chính điều này đã khiến cho lễ hội Phật giáo lan tỏa trong cộng đồng trở nên gần gũi mà mỗi người dân Việt dường như đều có nhu cầu tham gia vào lễ hội. Lễ hội Phật giáo có ý nghĩa không nhỏ trong đời sống tinh thần của người Việt, mang đến sự cân bằng trong đời sống tâm linh, giúp con người có cảm giác được thăng hoa mà cuộc sống trần tục chưa thể đạt được. Lễ hội tạo nên giá trị cổ kết cộng đồng, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, giúp đỡ người khó khăn giữa cộng đồng những người cùng tôn giáo và cộng đồng người trong xã hội. Lễ hội cũng hướng con người nhớ đến nguồn cội với lòng biết ơn, tri ân với vị giáo chủ tôn giáo và cả những bậc sinh thành, dưỡng dục (cha mẹ, thầy cô), những người có công với quê hương, đất nước. Qua lễ hội, con người được kích thích sự sáng tạo và hưởng thụ giá trị văn hóa, đồng thời góp phần bảo lưu và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Chính với những giá trị trên, lễ hội Phật giáo có thể xem như một món ăn tinh thần của người dân Việt Nam hiện nay. Một số lễ hội Phật giáo được mong chờ trong năm của người Việt và thu hút sự tham gia đông đảo của du khách mỗi dịp xuân về như lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ hội chùa Bái

Đỉnh (Ninh Bình) đều diễn ra từ mùng 6 tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch); lễ hội chùa Yên Tử (Quảng Ninh – từ mùng 10 tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch); Lễ hội núi Bà Đen (Tây Ninh - từ mùng 4 tháng Giêng)... Trong đó, các tour du lịch đến với lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Yên Tử được không ít người Việt xem như một chuyến hành hương về “thánh địa” của Phật giáo Việt Nam.

### **2.3. Một số điểm cần lưu ý khi khai thác nguồn lực Phật giáo phục vụ hoạt động du lịch**

*Một là*, sự kết hợp giữa khai thác, phát huy các nguồn lực Phật giáo phục vụ cho hoạt động du lịch phải luôn gắn với việc bảo tồn giá trị văn hóa này. Để việc bảo tồn và khai thác hiệu quả, bền vững cần lưu ý đến nguyên tắc mang tính đặc thù của di sản văn hóa Phật giáo như việc trùng tu, bảo tồn di sản nhưng không phải làm mới, làm “lớn” mà mất đi tính nguyên bản, giá trị ban đầu của di sản; khai thác nhưng không được “thương mại hóa” làm biến thể “tính thiêng” của tôn giáo.

*Hai là*, tôn trọng hoạt động tín ngưỡng, nhu cầu tâm linh của du khách nhưng không có nghĩa “đánh đồng”, hay tiếp tay cho hoạt động mê tín dị đoan tại các cơ sở thờ tự Phật giáo.

*Ba là*, cần quan tâm nâng cao nhận thức, ý thức của du khách tham gia các tour du lịch Phật giáo để hiểu rõ hơn về giá trị, ý nghĩa của chuyến đi, đồng thời nâng cao nhận thức của những cư dân địa phương (nơi có di tích) để nhằm hạn chế những hoạt động tiêu cực như bói toán, tăng giá dịch vụ, sách nhiễu, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông....

*Bốn là*, cần có sự phối hợp giữa các đơn vị khai thác du lịch với các cơ quan quản lý (chính quyền địa phương, các cơ quan có thẩm quyền và Ban trị sự tôn giáo của di tích) để mang đến một “sản phẩm du lịch” độc đáo, đảm bảo an toàn, hấp dẫn và thỏa mãn nhu cầu tâm linh của du khách.

*Năm là*, các đơn vị kinh doanh du lịch về du lịch chùa chiền cần chú ý đến việc đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về kiến thức Phật giáo, am hiểu về di sản Phật giáo (các biểu tượng, kiến trúc, điêu khắc, hội họa và nghi lễ, lễ hội của Phật giáo). Đây là một khâu quan trọng trong việc cung cấp sản phẩm du lịch tốt, cũng là lý do để thu hút du khách tham gia nhiều hơn vào các chương trình du lịch tâm linh Phật giáo ở Việt Nam hiện nay.

*Sáu là*, thành phần đến thăm quan, chiêm bái tại các di tích chùa, cơ sở thờ tự Phật giáo rất đa dạng nên các đơn vị kinh doanh du lịch cần có sự phân loại và nắm bắt nhu cầu của du khách để cung cấp sản phẩm du lịch phù hợp.

### **3. KẾT LUẬN**

Ngày nay, chùa Việt không chỉ là nơi tu tập và thực hành nghi lễ Phật giáo của các tín đồ, Phật tử mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa và lễ hội. Nắm bắt được nhu cầu tôn giáo của một bộ phận không nhỏ tầng lớp dân cư, nhiều doanh nghiệp, công ty du lịch đã xây dựng những chương trình du lịch tâm linh đặc sắc về thăm viếng và chiêm bái tại các ngôi chùa. Điều đó không chỉ tạo đà cho ngành du lịch Việt Nam có cơ hội phát triển, mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho

ngân sách nhà nước mà còn lan tỏa ảnh hưởng sâu rộng văn hóa Phật giáo trong nhân dân. Tiềm năng của nguồn lực Phật giáo với du lịch là rất lớn. Để khai thác hiệu quả và bền vững nguồn lực Phật giáo phục vụ phát triển loại hình du lịch tâm linh cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ từ nhiều phía: Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp du lịch, Ban trị sự các chùa và du khách. Trong đó, nhu cầu tôn giáo của du khách và tâm lý du khách sẽ đóng vai trò quyết định. Vì thế, việc thỏa mãn nhu cầu du khách cần được các doanh nghiệp du lịch chú trọng hàng đầu. Việc học tập kinh nghiệm từ một số quốc gia trong khu vực đã và đang khai thác hiệu quả loại hình du lịch tâm linh Phật giáo như Thái Lan, Miama, Lào... cũng sẽ cần thiết cho du lịch Việt Nam hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân An (2019), *5 ngôi chùa giữ nhiều kỷ lục nhất Việt Nam không thể bỏ qua khi du xuân đầu năm*, truy cập ngày 19/02/2019, <http://baoquangninh.com.vn/du-lich/201902/5-ngoi-chua-giu-nhieu-ky-luc-nhat-viet-nam-khong-the-bo-qua-khi-du-xuan-dau-nam-2423254/>
2. Ban TTTT Phật giáo Bình Định, “Nguồn gốc và ý nghĩa Phật đản”, <http://phatgiaobinhdinhh.vn/mPost/312/nguon-goc-va-y-nghia-phat-dan>
3. Bộ Chính trị, số 18-CT/TW, 10-01-2018, *Chỉ thị của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12-3-2003 của BCH Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*.
4. Minh Châu (2020), *Ngôi chùa lưu giữ bộ tượng Thập bát La Hán bằng đồng cổ nhất*, truy cập ngày 27/11/2020, <https://phatgiao.org.vn/ngoi-chua-luu-giu-bo-tuong-thap-bat-la-han-bang-dong-co-nhat-d44787.html>

5. Thế Dương (2018), *Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm – Di sản tư liệu thế giới*, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, truy cập 22/10/2018, <https://dangcongsan.vn/anh/moc-ban-chua-vinh-nghiem--di-san-tu-lieu-the-gioi-502102.html>

6. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Nguồn lực tôn giáo: kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

7. Nguyễn Thị Thúy Hương (2018), “Vị trí và vai trò của Phật giáo trong đời sống tôn giáo và văn hóa Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 1 tháng 5/2018, tr.280 – 283., tr.282,.

8. Hà Đăng Khoa (2019), *Lễ hội tôn giáo trong đời sống xã hội hiện nay*, truy cập ngày 19/12/2019 <http://ngochoi.kontum.gov.vn/thong-tin-kinh-te-xa-hoi/Le-hoi-ton-giao-trong-doi-song-xa-hoi-hien-nay-5097>

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Luat-tin-nguong-ton-giao-2016-322934.aspx>

10. Hạnh Nguyên (2020), *Nguồn gốc và ý nghĩa của ngày lễ Phật đản, người Phật tử nên làm gì để đón chào ngày Đức Phật ra đời*, truy cập ngày 01/05/2020, <https://chuaavang.com/nguon-goc-va-y-nghia-cua-ngay-le-phat-dan-nguoi-phat-tu-nen-lam-gi-de-don-chao-ngay-duc-phat-ra-doi/>

11. Nguyễn Công Trí (2020), *Xu hướng nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam*, trích trong Nguồn lực tôn giáo kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam, Nxb Tôn giáo.

12. Thích Không Tú (2018), *Đề xuất một số kiến nghị góp phần củng cố và phát triển niềm tin tôn giáo đúng đắn, tích cực cho tín đồ Phật giáo Việt Nam*, truy cập ngày 02/09/2018 <https://vbg.h.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=dai-hoi-toan-quoc-khoa-viii/95-de-xuat-mot-so-kien-nghi-gop-phan-cung-co-va-phat-trien-niem-tin-ton-giao-dung-dan-tich-cuc-cho-tin-do-phat-giao-viet-nam-131.html>